HAY KHÔNG BẰNG HÊN

Lâm Vĩnh-Thế
Cựu Học Sinh Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, 1953-1960

Tôi sinh năm Tân Tỵ (1941), và như vậy, năm nay (2024) tôi đã được 83 tuổi. Thành thật mà nói, cũng như bao nhiêu người khác, tôi đã trải qua rất nhiều thăng trầm trong cuộc đời hơn 80 năm này, nhưng nhìn lại, lấy công tâm mà xét, tôi nhận ra mình đã được Ơn Trên dành cho rất nhiều may mắn, đúng như Ông Bà mình thường dạy con cháu từ bao nhiêu thế hệ là ***Hay Không Bằng Hên.*** Bài viết này cố gắng ghi lại những trải nghiệm của bản thân tôi về cái chân lý ngàn đời này.

Thời Còn Đi Học

Nhìn lại hành trình ***"mười lăm năm đèn sách, 1948-1963"*** tôi thấy rất rõ cái may mắn mà Ơn Trên đã dành cho tôi là tôi đã luôn luôn thi đậu ***tất cả*** các kỳ thi, từ các kỳ thi lấy bằng tương đối bình thường, cho đến các kỳ thi tuyển vô cùng khó khăn như thi tuyển vào Lớp Đệ Thất của Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký và thi tuyển vào Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.

Tôi học 5 năm (1948-1953) của bậc Tiểu học tại Trường Tiểu Học Nam Đakao trên đường Albert 1er (về sau được đổi tên thành đường Đinh Tiên Hoàng). Khi học Lớp Nhứt A (phụ trách bởi Thầy Phước, giáo viên người Bắc duy nhứt của Trường, một chuyện lạ trong thời gian này), tôi không phải là một học sinh xuất sắc của lớp. Vậy mà cuối năm đó, sau khi đã thi đậu bằng Tiểu Học, khi cả 2 lớp Nhứt (Lớp Nhứt A và Lớp Nhứt B, do một Thầy người Nam phụ trách mà tôi không còn nhớ tên là gì), gồm trên 100 học sinh, tham dự kỳ thi tuyển vào lớp đệ thất của Trường Petrus Ký (đầu tiên của Chương Trình Việt), thì tôi là học sinh ***duy nhứt*** của Trường Tiểu Học Nam Đakao đã trúng tuyển. Mẹ tôi rất vui mừng và thưởng cho tôi một chiếc xe đạp. Tôi vẫn còn nhớ hoài cái hôm mua chiếc xe đạp đó. Mẹ tôi dẫn tôi xuống một cái tiệm khá lớn dưới Chợ Cũ, chủ là người Hoa, trên đường Boulevard de la Somme (về sau đổi tên thành Đại Lộ Hàm Nghi), và mua cho tôi một chiếc xe đạp nhập cảng từ bên Pháp của hãng sản xuất xe đạp nổi tiếng tại Thành phố Saint-Etienne. Trong khi Mẹ tôi còn bận lo làm giấy tờ thanh toán cho chiếc xe đạp, thì tôi, lúc đó quá sức vui mừng, đã leo lên xe và đạp một hơi tuốt về tới nhà ở khu Đa Kao luôn. Đó là tài sản lớn đầu tiên trong đời tôi, và được tôi o bế, lau chùi hằng ngày, nhưng hình như cũng chỉ được có mấy tháng thôi. Tuy vậy, chính chiếc xe đạp này đã là phương tiện giúp tôi đi học suốt 7 năm (1953-1960) tại Trường Petrus Ký.

Trong thời gian 7 năm của bậc Trung học, tôi cũng đã may mắn thi đậu tất cả các kỳ thi lấy bằng:

- Hè 1957: thi đậu bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp

- Hè 1959: thi đậu bằng Tú Tài 1, Ban A
- Hè 1960: thi đậu bằng Tú Tài 2, Ban A

Sau khi thi đậu bằng Tú Tài 2, tôi dự thi và, thêm một lần may mắn nữa, tôi cũng đã đậu luôn cả kỳ thi tuyển vào năm thứ nhứt của Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Ban Sử Địa. Lần này, phần thưởng của Mẹ tôi cho tôi tăng lên một cấp: đó là một chiếc xe gắn máy hiệu Mobylette, và tôi đã sử dụng chiếc xe Mobylette này trong suốt 3 năm (1960-1963) đi học tại Đại Học Sư Phạm Sài Gòn cũng như 3 năm (1963-1966) đi dạy học tại Trường Trung Học Công Lập Kiến Hòa (Bến Tre).

Được Học Bổng Du Học Hoa Kỳ

Sau ba năm dạy học ở Kiến Hòa, mùa Thu 1966, tôi được thuyên chuyển về Trường Trung Học Kiểu Mẫu Thủ Đức (THKMTĐ). Chính tại ngôi trường tân tiến này tôi đã có được cái may mắn lớn nhứt trong đời: nhận được học bổng di du học Hoa Kỳ trong hai năm.[1]

Cái may mắn đó đã bắt đầu một cách thật giản dị và tình cờ như sau: một buổi sáng năm 1970, trong giờ nghỉ giải lao, tôi vào Thư viện của Trường THKMTĐ để chúc mừng một người bạn là anh Nguyễn Ứng Long,[2] Quản Thủ Thư Viện của Trường, vừa được Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cử giữ chức Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia. Sau khi nói chuyện được vài phút, bỗng nhiên Anh Long đề nghị tôi thay thế anh phụ trách Thư viện của Trường để anh có thể an tâm rời Trường đi nhận nhiệm vụ mới. Cho đến ngày hôm nay tôi vẫn không hiểu tại sao tôi nhận lời anh ngay, không một chút đắn đo, do dự gì cả. Thế là tôi bỗng nhiên trở thành Quản Thủ Thư Viện mà hoàn toàn không có một chút kiến thức gì cả về ngành thư viện. Trước khi rời Trường, anh Long đã biếu tôi cuốn sách ***Phương pháp tổng kê và phân loại sách***:

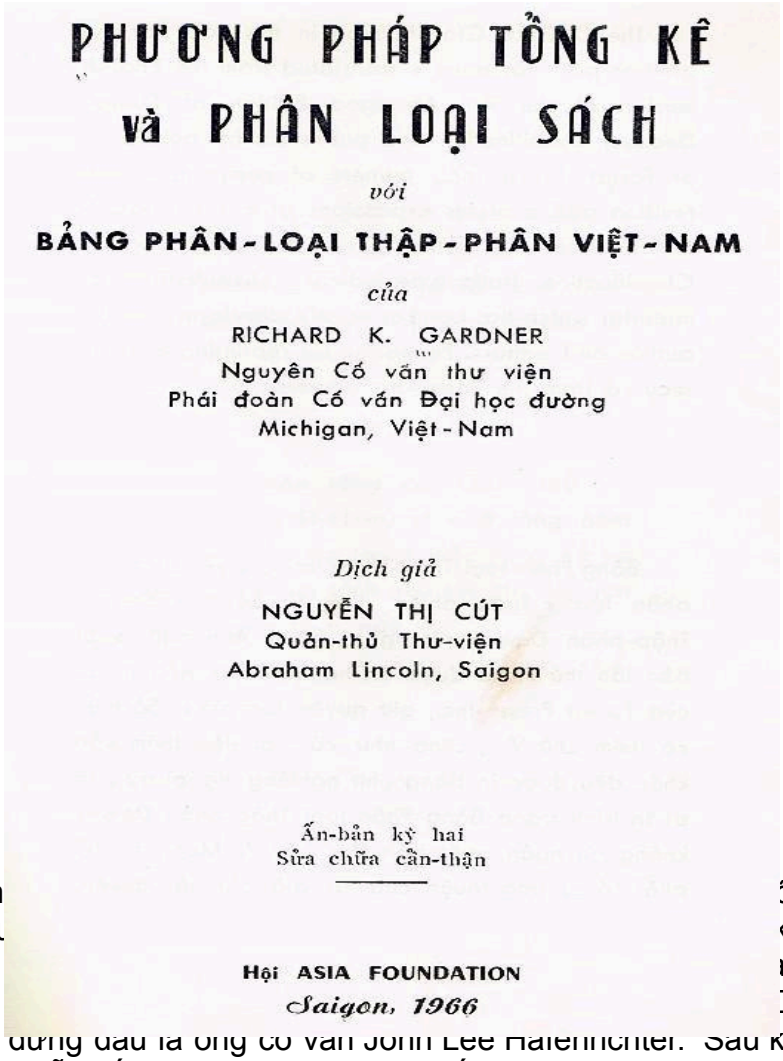

PHƯƠNG PHÁP TỔNG KÊ
và PHÂN LOẠI SÁCH

với

BẢNG PHÂN-LOẠI THẬP-PHÂN VIỆT-NAM

của

RICHARD K. GARDNER
Nguyên Cố vấn thư viện
Phái đoàn Cố vấn Đại học đường
Michigan, Việt-Nam

Dịch giả

NGUYỄN THỊ CÚT
Quản-thủ Thư-viện
Abraham Lincoln, Saigon

Ấn-bản kỳ hai
Sửa chữa cẩn-thận

Hội ASIA FOUNDATION
Saigon, 1966

Nhờ cuốn [illegible] ông tác thư viện. Sau đó, Giáo Sư [illegible] khóa huấn luyện căn bản về thư [illegible] ary Development Authority (LDA) [illegible] Development) tổ chức, mà người đứng đầu là ông cố vấn John Lee Hafenrichter. Sau khóa huấn luyện, trở về trường, tuy vẫn tiếp tục giảng dạy môn Kiến Thức Xã Hội (Social Studies, tên gọi mới của môn Sử Địa tại Trường THKMTĐ) cho học sinh Trường THKMTĐ, tôi dành nhiều thời gian hơn cho công tác thư viện, tổ chức nhiều sinh hoạt của thư viện nhằm lôi cuốn học sinh đến thư viện thường xuyên hơn, như triển lãm sách mới hàng tuần, tổ chức các buổi hội thảo, tổ chức cho học sinh tham gia một cuộc thi vẻ tranh Tết kết thúc với một Lễ Phát Giải Thưởng ngay trong Thư Viện do chính Giáo Sư Hiệu Trưởng đến chủ tọa. Ông cố vấn Hafenrichter đã đặc biệt theo dõi tất cả những chuyện tôi làm cho Thư viện của Trường THKMTĐ, và đã đi đến quyết định cấp cho tôi một học bổng đi du học Hoa Kỳ hai năm (1971-1973) tại Trường Thư Viện Học của Viện Đại Học Syracuse (School of Library Science, Syracuse University), tại Thành phố Syracuse, tiểu bang New York.

Được Thụ Huấn Với Ân Sư Pauline A. Cochrane

Ngày xưa Ông Bà mình thường nói câu ***"Phước Bất Trùng Lai, Họa Vô Đơn Chí"*** có nghĩa là ***"hai chuyện tốt thì không đến cùng một lúc, chuyện xấu thì không đến một mình."*** Trong trường hợp của tôi thì cái vế thứ nhứt của câu nói này

đã không đúng bởi vì cùng với cái may mắn lớn là được học bổng di du học Hoa Kỳ, tôi lại được thêm một cái may mắn lớn nữa là còn được học với Giáo Sư Pauline A. Cochrane (lúc đó còn mang tên là Pauline Atherton, về sau, khi đã lập gia đình với Giáo Sư John Cochrane, Bà mới đổi tên lại gọi là Pauline A. (Atherton) Cochrane) cũng như được Bà làm Giáo Sư Hướng Dẫn (Academic Advisor) do nhà trường chỉ định.

Hình Giáo g Năm 2011

Vào khoảng thời gi đã là một tên tuổi lớn trong ngành thư viện – thông tin học tại Hoa Kỳ và trên thế giới. Bà là đương kim Chủ Tịch, Hội Thông Tin Học của Hoa Kỳ nhiệm kỳ 1971 (President, American Society for Information Science = ASIS) như thông tin trong tấm ảnh bên dưới đây đã ghi rõ:

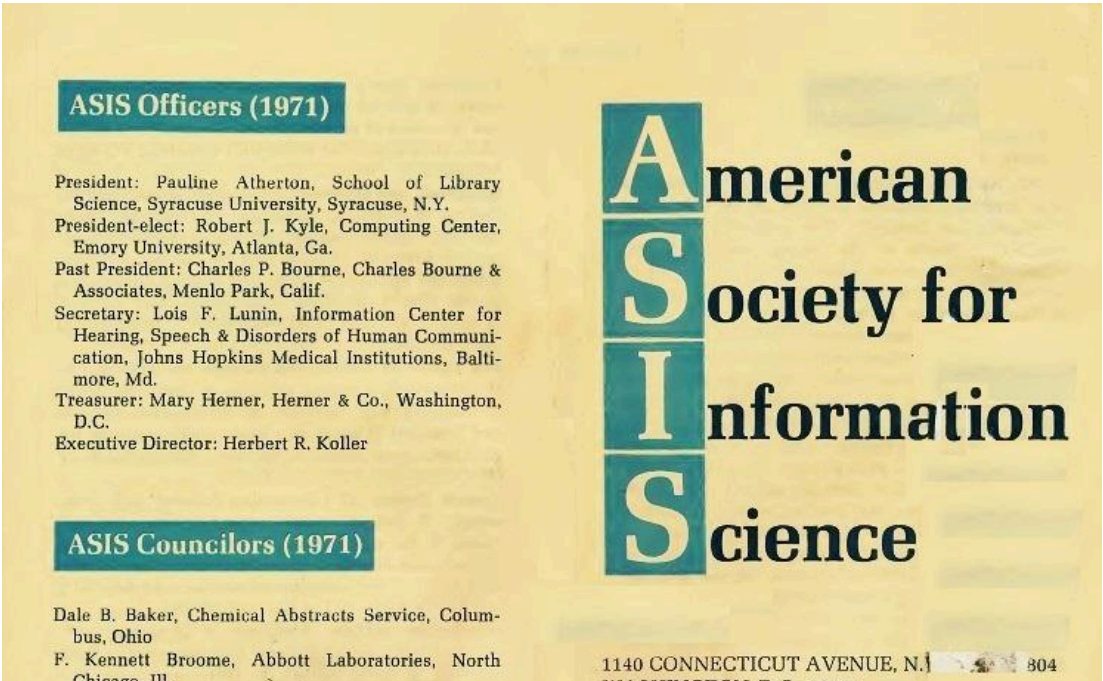

ASIS Officers (1971)

President: Pauline Atherton, School of Library Science, Syracuse University, Syracuse, N.Y.
President-elect: Robert J. Kyle, Computing Center, Emory University, Atlanta, Ga.
Past President: Charles P. Bourne, Charles Bourne & Associates, Menlo Park, Calif.
Secretary: Lois F. Lunin, Information Center for Hearing, Speech & Disorders of Human Communication, Johns Hopkins Medical Institutions, Baltimore, Md.
Treasurer: Mary Herner, Herner & Co., Washington, D.C.
Executive Director: Herbert R. Koller

ASIS Councilors (1971)

Dale B. Baker, Chemical Abstracts Service, Columbus, Ohio
F. Kennett Broome, Abbott Laboratories, North

American Society for Information Science

1140 CONNECTICUT AVENUE, N.

Sau khi đọc hồ sơ của tôi do Cơ Quan USAID chuyển lên cho Đại Học Syracuse, Ân Sư Pauline Atherton biết rõ là, sau khi tốt nghiệp về nước, tôi sẽ có nhiệm vụ thành lập Ban Thư Viện Học đầu tiên cho Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Do đó, Bà đã quyết định không phải chỉ đào tạo tôi thành một Quản Thủ Thư Viện chuyên nghiệp mà còn là một Giáo sư về ngành Thư Viện Học. Bà hỏi tôi thích dạy về bộ môn nào và tôi nói ngay là tôi rất thích giảng day môn Biên Mục là ngành chuyên môn của Bà. Và trên thực tế tôi đã theo học tất cả 3 giáo trình về Biên Mục là: 1) Organization of Information Resources, LSC 503; 2) Special Problems in Cataloging, LSC 624; và, 3) Advanced Topics in Organization of Information Resources, LSC 630. Hai giáo trình LSC 503 và LSC 630 đều do chính Bà giảng dạy. Tháng 5-1973, tôi tốt nghiệp với bằng Cao Học về Thư Viện Học (Master of Library Science = MLS) và lên đường về nước.

Phát Triển Ngành Thư Viện Cho Việt Nam Cộng Hòa

Phát Triển Hội Thư Viện Việt Nam

Đầu năm 1974, với sự khuyến khích của anh Nguyễn Ứng Long, tôi đã ra ứng cử chức vụ Chủ Tịch Hội Thư Viện Việt Nam (HTVVN) cho nhiệm kỳ 1974, và tôi đã đắc cử:

3. Tái nhóm, Đại-hội vẫn giữ thành phần chủ-tọa như cũ. Cuộc bầu cử Ban Chấp-hành nhiệm kỳ 1974 bắt đầu với 73 Hội-viên hiện diện và 27 phiếu ủy quyền.

Sau khi thảo luận sôi nổi, Đại hội đã chấp thuận giấy ủy quyền của 8 Hội-viên chi hội Thư-viện Thừa-thiên do Ông Chi-hội Trưởng Nguyễn-Cửu-Sà đại diện.

4. Cuộc bầu cử được bắt đầu thực hiện với thể thức bỏ phiếu kín :

- Chức vụ Chủ-tịch :
  - Ô. Lâm-Vĩnh-Thế : 51 phiếu ✓ Đắc cử
  - Ô. Trần-Anh-Liễn : 34 phiếu
  - Bà Trần-Thanh-Khâm : 5 phiếu

Có 2 phiếu bất hợp lệ và 8 phiếu trắng của Ông Nguyễn-Cửu-Sà.

Chức vụ Phó Chủ-Tịch :
- Ô. Trần-Anh-Liễn : 49 phiếu ✓ Đắc cử
- Cô Phạm-Thị-Lệ-Hương 32 phiếu
- Ô. Đặng-Ngọc-Thiềm 4 phiếu

Trích từ Bản Tin của Hội Thư Viện Việt Nam, số 1 (Tháng 3-1974), tr. 4

Trong 15 năm từ ngày thành lập hội (1959), HTVVN vẫn luôn luôn là một hội đoàn vô danh, không được quần chúng biết đến, và cũng không hề được chính quyền coi trọng. Với tư cách Chủ Tịch mới của Hội, tôi muốn cải thiện vị thế yếu kém đó của Hội. Trong Lá Thư Chủ Tịch đầu tiên, đăng ngay trong trang 1 của Bản Tin số 1 của HTVVN, tôi đã đưa ra lời kêu gọi toàn thể hội viên tiếp tay với Ban Chấp Hành mới của Hội để tạo nên vị thế mới cho Hội:

Thành lập từ 15 năm nay, Hội chúng ta vẫn còn là một hội đoàn vô danh, xa lạ với quần chúng và hoạt-động rất giới hạn. Quần chúng không biết đến Hội ta vì họ chưa được giới thiệu đến để biết. Chính quyền cũng không quan tâm vì họ cũng chưa được chứng minh cho thấy sự cần thiết và tầm quan trọng của Thư-viện trong việc phát-triển Quốc-Gia. Hoạt động của Hội bị giới hạn, một phần vì những khó khăn kinh tế chung cho nước, nhưng một phần cũng vì nội bộ của Hội ta chưa được kiện toàn. Ý thức được những điều trên, Ban Chấp-hành chúng tôi quan-niệm rằng để vượt thoát tình trạng hiện tại đường lối hợp lý cho Hội ta phải là làm thế nào vừa quảng bá tầm quan trọng của nghề vừa chấn chỉnh nội bộ để phát triển chuyên-môn. Để đạt được những mục tiêu này, không phải chỉ một nhóm người nhỏ là Ban Chấp-hành có thể làm được mà phải là toàn thể các bạn, những người yêu nghề và tha thiết với Hội. Sự đóng góp nỗ lực canh tân và phát triển Hội phải là một đóng góp chung. Trong

đạ

(một số khá đông đã tốt nghiệp bằng MLS từ các Đại Học Hoa Kỳ hay các Khóa Huấn Luyện Trung Cấp tại Đại Học Sư Phạm Sài Gòn) lại vừa tràn đầy nhiệt tình. Nhờ vậy HTVVN, trong nhiệm kỳ 1974, với sự tài trợ rất lớn của Hội Văn Hóa Á Châu (The Asia Foundation) do tôi đích thân đi gặp và vận động với vị Chủ Tịch của Hội là ông Julio Andrews, đã thực hiện được tất cả các dự án đã đề ra trong chương trình làm việc như sau:

- Xuất bản được đủ 4 số của ***Thư Viện Tập San*** (một quí san chính thức của HTVVN), và 7 số ***Bản Tin*** trong các tháng giữa các số của quí san, và gởi đến miễn phí tận nhà cho toàn thể hội viên.

- Tổ chức được 2 Khóa Luyện Căn Bản Thư Viện Học miễn phí dành cho các Hội viên của Hội: Khóa 1 từ ngày 7-5-1974 đến ngày 28-6-1974 với 31 học viên; và Khóa 2 từ ngày 23-9-1974 đến ngày 13-11-1974 với 30 học viên. Các Lễ Khai Giảng và Bế Giảng đều được tổ chức rất long trọng tại Đại Giảng Đường 19 của Viện Đại Học Vạn Hạnh dưới sự đồng chủ tọa của Thượng Tọa Thích Mãn Giác, Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh và của Giáo Sư Bùi Xuân Bào, Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa Giáo Dục Đặc Trách Văn Hóa (một hệ quả hết sức tốt đẹp của việc này là chính vi Thứ Trưởng, sau khi được chứng kiến tận mắt việc làm của HTVVN, đã đề nghị lên Bộ và Bộ đã ban hành Nghị Định số 2496/VHGDTN/TC/TT/NĐ ngày 9-11-1974 trợ cấp một ngân khoản là 200.000 đồng cho những hoạt động bất vụ lợi của HTVVN.

- Tổ chức một Đại Hội Hè (lần đầu tiên trong lịch sử 15 năm của HTVVN trong 3 ngày 9-10-11/8/1974 với gần 300 Hội viên từ khắp nước về dự (trước đó, tại các Đại Hội Thường Niên bầu Ban Chấp Hành mới cho HTVVN, số hội viên đến dự chưa bao giờ được hơn 100 người). Tất cả hội viên về dự Đại Hội Hè đều được hưởng phụ cấp vãng phản giống như các Giáo sư đi gác thi hay chấm thi Tú Tài. Tôi cũng đã đích thân đến gặp và vận động 2 người bạn đồng nghiệp là Giáo Sư Trần Quang Minh, Giám Đốc Nha Tiểu Học, và Giáo Sư Phạm Tấn Kiệt, Giám Đốc Nha Trung Học, để các hội viên HTVVN ở xa (như Huế, Nha Trang, hay Cần Thơ, An Xuyên) được Bộ Giáo Dục cấp cho vé máy bay khứ hồi để họ có thể về Sài Gòn dự Đại Hội. Đại Hội Hè đã thành công rực rỡ, giải quyết được tất cả các vấn đề nội bộ của Hội đã tồn đọng trong nhiều năm qua, và đã hoàn thành được Quy Chế Thư Viện Học Đường.

- Thực hiện việc truy thu niên liễm (200 đồng / một năm) mà một số rất đông của Hội đã thiếu trong nhiều năm qua, có người thiếu đến 6-7 năm. Cô Phạm Thị Lệ-Hương, Thủ Quỹ của Hội, đã để ra kế hoạch và đích thân thực hiện với kết quả là thu được trên 100.000 đồng niên liễm mà các hội viên đã thiếu.

Thành Lập Ban Thư Viện Học Đầu Tiên Của VNCH

Với những thành quả quan trọng và tốt đẹp như vừa trình bày, HTVVN đã tạo ra được một thế đứng có tầm vóc trong sinh hoạt văn hóa tại thủ đô Sài Gòn và trong cả nước. Nhờ vậy, tôi, với tư cách Chủ Tịch HTVVN, đã được các hội đoàn văn hóa tư bầu vào Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, một trong ba hội đồng hiến-định do chính Phó Tổng Thống VNCH làm Chủ Tịch. Cũng cùng trong chiều hướng đánh giá tích cực này, Viện Đại Học Vạn Hạnh đã quyết định cho thành lập Ban Thư Viện Học (BTVH) đầu tiên của VNCH tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn và cử nhiệm tôi làm Giáo Sư Trưởng Ban đầu tiên.

BTVH đã khai giảng vào đầu niên khóa 1974-1975 với 70 sinh viên BTVH này chỉ mới giảng dạy được hai học kỳ với thành phần ban giảng huấn và các khóa trình như sau:

Học Kỳ 1:

- Ông Lâm Vĩnh Thế: Tổng Kê và Phân Loại I
- Cô Phạm Thị Lệ-Hương: Tổ Chức và Điều Hành Thư Viện
- Ông Lê Ngọc Oánh: Tuyển Chọn Tài Liệu
- Ông Tống Văn Diệu: Lịch sử Thư Viện

Học Kỳ 2:

- Ông Lâm Vĩnh Thế: Tổng Kê và Phân Loại II
- Cô Phạm Thị Lệ-Hương: Công Tác Khảo Cứu và Trình Bày Luận Văn
- Ông Lê Ngọc Oánh: Tham Khảo Tổng Quát
- Ông Nguyễn Ứng Long: Anh Ngữ I

Học Kỳ 2 khởi sự vào khoảng tháng 3-1975 đã không bao giờ được kết thúc vì biến cố bi thảm 30-4-1975 chấm dứt sự hiện hữu của VNCH. BTVH của ĐHVH đã bị chết non, chưa đào tạo được một vị Cử Nhân Thư Viện Học nào cho VNCH.

Lập Lại Sự Nghiệp Tại Hải Ngoại

Đi Học Lại Để Cập Nhật Kiến Thức

Tháng 9-1981, tôi mang gia đình rời khỏi Việt Nam đi định cư tại Canada do sự bảo lãnh của Anh Tư tôi. Trong thời gian mấy tháng đầu, chưa tìm được việc làm đúng nghề chuyên môn thư viện, tôi phải làm một công việc lao động ban đêm tại một kho hàng ở Montréal, từ 4 giờ chiều cho đến 12 giờ khuya.

Một buổi sáng tôi nhận được điện thoại của Ân Sư Pauline A.Cochrane từ Mỹ gọi sang thăm. Sau khi chúc mừng tôi đã trở lại được Bắc Mỹ, Bà đề nghị tôi đi học lại vì nghề thư viện đã có nhiều bước phát triển mới, nhứt là việc công tác biên mục đã được tự động hóa. Tôi trả lời Bà là tôi rất muốn đi học lại nhưng chưa có khả năng tài chánh vì hiện đang làm một công việc lao động với lương tối thiểu chỉ có 4,25 đô la một giờ. Bà bảo tôi khỏi lo chuyện đó, sáng mai cứ đến Trường Thư Viện Học của Đại Học McGill, vào gặp Giáo Sư Khoa Trưởng, ông ấy sẽ sắp xếp mọi việc cho tôi. Sáng hôm sau, tôi đến văn phòng Trường Thư Viện Học của Đại Học McGill, và được cô thư ký đưa vào gặp Ông Khoa Trưởng. Ông ấy sắp xếp cho tôi vào học Giáo Trình Biên Mục Tự Động Hóa, mỗi tuần học 2 buổi trưa, vào Thứ Hai và Thứ Tư, từ 1:00 tới 2:30, do Giáo Sư John Leidi phụ trách. Ngay tại buổi học đầu tiên, Giáo Sư Leidi đã đi xuống tận bàn tôi ngồi, bắt tay tôi và gọi tôi là “Sư Huynh” (nguyên văn tiếng Anh là “Big Brother”). Thì ra Giáo Sư Leidi cũng tốt nghiệp Trường Thư Viện Học của Đại Học Syracuse như tôi nhưng sau tôi khá nhiều năm, và cũng là một đệ tử của Ân Sư Pauline A. Cochrane. Thì ra mọi việc đều là do Ân Sư Cochrane đã sắp xếp cả, ngay cả việc đóng học phí cho tôi.

Trong thời gian này, tôi đã phải cố gắng tối đa để có thể làm được hai công việc nặng nhọc cùng một lúc: 1) Ban ngày thì theo học một giáo trình chuyên môn về Thư Viện Học ở cấp Cao học; và 2) Ban đêm thì làm một công việc lao động tay chân nặng nhọc trong một kho hàng.

Tìm Được Việc Làm Chuyên Môn Thư Viện Đầu Tiên

Sau khoảng gần 3 tháng, một buổi trưa Ngày Thứ Hai, tôi vào Trường McGill sớm và tìm đọc các mẫu tin về tìm việc làm trên Bản Thông Tin (Bulletin Board) của Trường, và thấy có một mẫu tin nhỏ cắt từ tờ nhựt báo ***The Globe and Mail*** về một công việc hợp đồng (contract job) tại Ottawa, thủ đô của Canada. Công việc làm là chuyển đổi các thẻ thư mục đánh máy (typed catalog cards) trên thẻ thư mục khổ 3 x 5 cm của bộ sưu tập tạp chí (gồm khoảng 30.000 nhan đề) của Thư Viện Trung Ương của Bộ Canh Nông sang dạng ký lục thư tịch điện từ (electronic bibliographic records), sử dụng phần mềm UTLAS của Đại Học Toronto (UTLAS = University of Toronto Library Automation System). Công việc chuyên môn này, trong ngành thư viện, được gọi là Serials Conversion Project. Tôi gởi đơn ngay cho công ty Sharon Professional Services (SPS), là một công ty tìm việc làm chuyên môn đã đăng mẫu tin đó. Hai hôm sau tôi nhận được điện thoại của Bà Renée Staples, Trưởng Phòng Nhân Viên của SPS, mời tôi lên Ottawa để được phỏng vấn. Sáng hôm sau tôi lấy chuyến xe buýt Greyhound lúc 9 giờ và lên đến Ottawa lúc 11 giờ. Bà Staples đã chờ sẵn ở bến xe buýt và đưa tôi về trụ sở của SPS. Sau khi uống cà phê, Bà Staples đưa tôi sang Bộ Canh nông, vào gặp Bà Joyce MacKintosh, Phó Giám Đốc Thư Viện Trung Ương của Bộ Canh Nông Canada (Assistant Director, Central Library, Agriculture Canada). Sau khi hỏi tôi vài câu cho có lệ, Bà MacKintosh tuyên bố nhận tôi. Thật là một may mắn rất lớn và hoàn toàn bất ngờ vì tại thời điểm đó ***tôi hoàn toàn chưa có một kinh nghiệm làm việc nào về ngành thư viện tại Canada cả.*** Trở lại văn phòng SPS, Bà Staples cho tôi ký hợp đồng. Lúc đó tôi mới biết thật đầy đủ chi tiết về dự án này: công việc sẽ được thực hiện bởi một toán 3 người gồm: 1 Senior Librarian là Trưởng Toán, 1 Junior Librarian mới ra trường, và 1 Library Technician; tôi sẽ là Trưởng Toán với lương là 21.000 đô la một năm. Hợp đồng này sẽ kéo dài đúng 1 năm, từ ngày 1-4-1982 cho đến ngày 31-3-1983, đúng theo tài khóa 1982-1983 của Chính Phủ Liên Bang Canada.

Trên chuyến xe buýt trở về Montréal, tôi cầm tờ báo Times đọc cho qua thì giờ, nhưng thú thật, tôi hoàn toàn không hiểu gì hết về bài báo, vì lúc đó tôi vui mừng quá đỗi, hồn tôi bay bổng tận nơi đâu. Các bạn cứ tính xem: từ mức lương tối thiểu 4,25 một giờ, nếu tính theo tiêu chuẩn làm việc 40 giờ 1 tuần và 50 tuần 1 năm, tức là 2.000 giờ, thì lương năm của tôi lúc đó là 8.500 đô la một năm; nay bỗng nhiên mức lương năm tăng thành 21.000, tức là tăng lên gấp hơn hai lần, vào khoảng trên 240%, thì bảo sao tôi không vui mừng cho được. Về đến nhà, tôi vào ngay phòng thờ Phật và lạy Phật, cảm tạ Ơn Trên đã ban cho cái may mắn quá sức lớn lao này.

Sau này, khi mọi việc đã qua, tôi nhìn lại và thấy rõ các yếu tố sau đây đã kết hợp một cách hết sức tuyệt vời để cấu thành cái may mắn lớn đó:

- Bà Renée Staples, vì lập gia đình với ông Charles Staples, một người Canada, nên Bà đã theo chồng sang Canada sinh sống, nhưng nguyên gốc Bà là một người Mỹ sinh ra và lớn lên tai Thành phố Syracuse, và chính bản thân Bà cũng tốt nghiệp Đai Học Syracuse; khi đọc hồ sơ thấy tôi cũng tốt nghiệp Đai Học Syracuse thì tự nhiên Bà có cảm tình và chọn tôi để phỏng vấn

- Bà Joyce MacKintosh thì lại là một ngươi rất ngưỡng mộ Giáo Sư Pauline A, Cochrane từ lâu; nay đọc hồ sơ thấy Giáo Sư Cochrane viết về tôi như sau trong bức Thư Giới Thiệu (Letter of Reference, xem trong phần Phụ Đính)

"He was, without doubt, one of the top ten or twenty students I have had in twenty-five years of teaching." (Xin tạm dịch sang Việt ngữ như sau: "Không nghi ngờ gì hết, anh ấy đã từng là một trong mười hay hai mươi sinh viên giỏi nhứt của tôi trong hai mươi lăm năm tôi dạy học."

nên Bà đã có ấn tượng rất tốt về tôi trước khi gặp tôi nên khi phỏng vấn Bà chỉ hỏi vài câu cho có lệ mà thôi.

Trong May Có Rủi, Trong Rủi Có May

Khi nhận công việc làm này, tôi được biết đây là một dự án mà Bộ Canh Nông đã lên kế hoạch thực hiện trong 5 năm (1980-1985), mỗi năm chuyển đổi 6.000 thẻ thư mục cho bộ sưu tập tạp chí 30.000 nhan đề của Thư Viện. Đây là năm thứ ba của dự án, và, như vậy, có nghĩa là có khả năng, sau ngày 31-3-1983, còn có thể ký hợp đồng thêm 2 lần nữa cho 2 tài khóa kế tiếp là 1983-1984 và 1984-1985.

Nhưng đúng như Ông Bà mình thường dạy con cháu là ***"ở đời khó mà biết trước chuyện tương lai."*** Sau khi làm việc được khoảng 6 tháng, một hôm Bà MacKintosh gọi tôi vào phòng Bà nói chuyện. Bà cho tôi biết là Bộ Canh Nông đã bị cắt ngân sách và bắt buộc phải chấm dứt dự án này vào cuối tài khóa 1982-1983. Bà cho tôi hay trước để tôi có thì giờ rộng rãi lo tìm công việc khác. Tôi cám ơn Bà đã có lòng tốt báo cho tôi biết sớm như vậy và chuẩn bị ra ngoài thì đột nhiên Bà hỏi tôi một câu như sau: ***"Thế à, tôi nhớ lúc đọc CV của Anh thì thấy Anh ghi là đã từng làm giáo sư về ngành thư viện học tại Việt Nam, Anh có muốn đi dạy học ở đây không?"*** Mừng quá, tôi trả lời Bà ngay là tôi rất muốn có được cơ hội đi dạy học trở lại. Thế là Bà gọi điện thoại ngay cho Bà Jean Painter lúc đó là Trưởng Ban, Chương Trình Đào Tạo Nhân Viên Thư Viện Trung Cấp của Trường Đại Học Cộng Đồng Algonquin tại Ottawa (Manager, Library Technician Program, Algonquin Community College). Bà Painter mời tôi sang Trường gặp Bà, và sau đó nhận tôi vào Ban Giảng Huấn, phụ trách bộ môn Biên Mục Mô Tả (Descriptive Cataloging). Nhờ sự giới thiệu đầy nhiệt tình của Bà Joyce MacKintosh với Bà Jean Painter mà tôi đã có được thêm cái may mắn là trở lại nghề dạy học về ngành thư viện, và, trên thực tế, tôi đã giảng dạy tại Algonquin College trong hai niên khóa 1982-1983 và 1983-1984 (nhưng đây chỉ là một công việc bán thời gian – part-time job – mỗi học kỳ mùa thu -- Fall Semester – chỉ dạy 1 đêm 3 giờ đồng hồ).

CCOHS: Bệ Phóng Trong Việc Xây Dựng Lại Sự Nghiệp

Mặc dù đã được Bà MacKintosh báo trước sớm 6 tháng, tôi vẫn không tìm được việc làm thường trực và toàn thời gian (Full-time job) nào khác. Sau ngày 31-3-1983, tôi đành phải nộp đơn xin hưởng trợ cấp thất nghiệp một thời gian. Trong thời gian khoảng hơn một năm sau đó, tôi chỉ tìm được toàn là những công việc làm hợp đồng ngắn hạn.

Tháng 7-1984, một hôm đọc báo ***The Globe and Mail*** tôi thấy đăng một mẫu thông báo khá dài của một cơ quan có tên là ***Canadian Centre for Occupational Health and Safety*** (thường được viết tắt là CCOHS; tên tiếng Pháp của cơ quan là Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail, viết tắt là CCHST; đây là trung tâm quốc gia của Canada phụ trách thông tin về An Toàn Lao Động) cho biết là họ đang

tuyển 5 nhân viên cùng một lúc, một trường hợp khá hiếm, đặc biệt là trong đó có đến 4 nhân viên về ngành Biên Mục (Cataloging), gồm 1 Chức vụ Trưởng Ban, Thư Mục Trực Tuyến (Manager, Online Catalogue), và 3 Biên Mục Viên, 1 Inventory Cataloguer, 1 Canadiana Cataloguer, và 1 Subject Cataloguer. Đây quả thật là một cơ hội quá tốt mà tôi đã trông chờ từ bao lâu nay. Tôi quyết định nộp đơn xin việc ngay, và, tự xét mình chỉ là một người di dân, chưa có quốc tịch Canada, và mới sống ở Canada chưa được tới 3 năm, trong đơn tôi nói rõ chỉ xin ứng tuyển cái công việc thấp nhứt là Inventory Cataloguer mà thôi.

Canadian Centre for Occupational Health and Safety

The Canadian Centre for Occupational Health and Safety was created by the Parliament of Canada to promote the right of Canadians to a healthy and safe working environment. We carry out this mandate by means of a service which uses modern information systems and communications technology to provide working people with trustworthy, intelligible, and comprehensive information and advice in occupational health and safety.

Documentation Services required:

MANAGER, ONLINE CATALOGUE, with a MLS/BLS in library and/or information science and progressively responsible cataloguing experience in an automated environment. Ability to create machine-readable bibliographic and abstracting tools, original thesauri and classification schemes is essential. Ability to work in both official languages is an asset.

Responsibilities include planning, organizing, controlling and directing the development of the online catalogue, involving bibliographic control, cataloging/indexing/abstracting of Canadian content material, and research, creation and implementation of special occupational health and safety thesauri and classification schemes.

Salary: $51,977.00 - $59,901.00 per annum

INVENTORY CATALOGUER, with an MLS/BLS in library and/or information science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices of cataloguing library materials is essential. Ability to work in both official languages is an asset.

Responsibilities include providing original, descriptive and subject cataloguing, and classification of information materials for the CCOHS collection.

CANADIANA CATALOGUER, with an MLS/BLS in library science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices associated with cataloguing/indexing/abstracting of information resources and the ability to work in both official languages is essential.

Responsibilities include creating citations and abstracts for Canadian documents in occupational health and safety, revising entries and ensuring that updates of Canadian content are provided to the Centre international d'information de sécurité et hygiène du travail.

SUBJECT CATALOGUER, with an MLS/BLS in library and/or information science and experience in computerized cataloguing. Knowledge of rules, methods and practices associated with cataloguing/indexing/abstracting of information resources and the ability to do subject authority work in both official languages is essential.

Responsibilities include providing enhanced subject access to selected occupational health and safety documents and maintaining an on-line subject authority system in both official languages.

PHYSICAL HAZARDS INFORMATION SCIENTIST, with an MLS/BLS in library and/or information science and course work in physical, biological or biophysical sciences. Knowledge of and experience in on-line searching, reference sources and techniques and the ability to work in a team setting is essential.

Responsibilities include providing reference and information services related to physical hazards.

Salary for above four positions: $25,340.00 - $29,633.00 per annum

CCOHS offers a full range of benefits programs compatible with those prevailing in the Public Service of Canada for comparable employment.

Resumes should be sent to The Canadian Centre for Occupational Health and Safety, 250

Tôi được mời đến Thành phố Hamilton, tỉnh bang Ontario, nơi CCOHS đặt trụ sở, để được phỏng vấn vào ngày Thứ Tư, 15-8-1984, và, một tuần lễ sau, ngày Thứ Năm, 23-8-1984, Tiến Sĩ Gordon Atherley, President của CCOHS, gởi văn thư chính thức nhận tôi, và cho biết là lương năm khởi sự của tôi sẽ là $27.491 đô la.

Canadian Centre for Occupational Health and Safety

Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail

Office of the President and Chief Executive Officer

Cabinet du Président et administrateur en chef

50 Main St E/250 rue Main est
Hamilton Ontario
Canada
L8N 1H6
(416) 523-2981

1984 08 23
Document 0628p

Mr Vinh-The Lam
219 Bell Street North
Apt 303C
Ottawa Ontario
K1R 7E4

Dear Mr Lam

I am pleased to offer you the full time position of Inventory Cataloguer in Documentation Services at the Canadian Centre for Occupational Health and Safety in Hamilton, subject to the conditions outlined in this letter, with the responsibilities as stated in the attached job description, or such other duties as may be allocated to you by the President and Chief Executive Officer.

Your starting salary for this position will be $27,491.00 per annum, which corresponds to a comparable position in the Federal Public Service, although employees of CCOHS are not Public Servants.

Chu chức vụ Manager, úc đó tôi vẫn còn c l) ờ chức vụ Invento Manager, Online Catalogue đó. Một buổi sáng, tôi đang làm việc trong phòng, Bà Marilyn Moore, Giám Đốc, Documentation Services, vào phòng tôi và hỏi tôi tại sao không nộp đơn ứng tuyển. Tôi thành thật trả lời là tôi nghĩ là tôi không có đủ điều kiện để ứng tuyển, thì Bà nói ngay là Bà nghĩ là tôi có đầy đủ điều kiện và khuyên tôi cứ nộp đơn đi. Lần này, với việc đích thân ra mặt khuyến khích của chính Bà Giám Đốc, tôi đã hăng hái nộp đơn tham gia vào cuộc tuyển lựa nhân sự cho chức vụ Manager, Online Catalogue. Tôi được phỏng vấn vào ngày Thứ Hai, 10-6-1985, và ngày 14-6-1985 tôi nhận được văn thư chính thức của Tiến Sĩ Gordon Atherley thông báo đã nhận tôi làm Manager, Online Catalogue, với lương năm khởi sự là $31.977 đô la:

Canadian Centre for Occupational Health and Safety

Centre canadien d'hygiène et de sécurité au travail

Office of the President and Chief Executive Officer

Cabinet du Président et administrateur en chef

50 Main St E/250 rue Main est
Hamilton Ontario
Canada
L8N 1H6
(416) 523-2981

1985 06 14
Document 0628p

Mr Vinh-The Lam

Văn thư chính thức của CCOHS nhận tôi làm Manager, Online Catalogue

Năm 1985 đánh dấu một chặn đường hết sức quan trọng trong cuộc đời của một người di dân như tôi với những thành tựu đáng mừng như sau:

- Ngày 14-5-1985: chính thức trở thành Công Dân Canada
- Ngày 14-6-1985: chính thức đảm nhận chức vụ Manager, Online Catalogue, trở thành một cấp chỉ huy tại CCOHS, một cơ quan liên bang của Chính Phủ Canada

Tôi đã làm việc cho CCOHS trong gần 9 năm, từ ngày 23-8-1984 cho đến ngày 30-9-1992 và đã trải qua các chức vụ chỉ huy như sau:

- Manager, Online Catalogue, 1985-1986
- Manager, Department of Database Development, 1986-1990
- Manager, Department of Database and Information Resource Development, 1990-1992

Một hôm, sau khi đã giữ chức vụ Manager, Online Catalogue được vài tháng, Bà Wendy Moriarty (về sau Bà lập gia đình với Giáo Sư John Newman nên đổi tên thành Wendy Newman), Phó Giám Đốc mới lên giữ chức Giám Đốc thay cho Bà Marilyn Moore đã nghỉ việc để có thì giờ đích thân quản lý văn phòng luật sư của chồng Bà, mời tôi vào phòng Bà nói chuyện. Bà cho tôi biết là với chức vụ mới này Bà quá bận không thể tiếp tục giảng dạy bộ môn Biên Mục Mô Tả cho Chương Trình Đào Tạo Nhân Viên Thư Viện Trung Cấp của Trường Đại Học Cộng Đồng Mohawk (Library Technician Program, Mohawk Community College) tại Hamilton nữa và ngỏ ý muốn tôi thay thế Bà. Tôi rất vui mừng và đồng ý ngay. Bà liền gọi điện thoại cho Bà Lois Wall, Trưởng Ban của Chương Trình. Bà Lois Wall đồng ý ngay vì một số lý do như sau:

- Bà Wendy Moriarty đang là một khuôn mặt lớn trong ngành thư viện của Canada, về sau là Chủ Tịch Hội Thư Viện Canada vào năm 2002
- Tôi đang giữ chức vụ Manager, Online Catalogue cho CCOHS
- Tôi đã từng có kinh nghiệm giảng dạy bộ môn Biên Mục Mô Tả tại Trường Algonquin mấy năm qua

Sau đó tôi đã giảng dạy liên tục bộ môn Biên Mục Mô tả cho Trường Mohawk trong hơn 10 năm (1985-1996) cho đến khi tôi rời Hamilton đi nhận nhiệm vụ mới là Trưởng Ban Biên Mục của Thư Viện Trường Đại Học Saskatchewan (Head, Cataloguing Department, University of Saskatchewan Library) tại Thành phố Saskatoon, trong Vùng Đại Bình Nguyên của Canada (Canadian Grand Prairie) vào tháng 9-1997.

Trải Nghiệm "Chính Trị Đảng Phái Bẩn Thỉu"

Từ sau năm 1986, sau khi chuyển sang làm về Cơ Sở Dữ Liệu (database) do Ban Phát Triển Cơ Sở Dữ Liệu (Department of Database Development) mà tôi làm Trưởng Ban (Manager), CCOHS đã sản xuất được các đĩa điện tử CD-ROM gọi là CCInfodisc bán ra khắp thế giới (vào khoảng năm 1990 đã có đến 44 nước trên thế giới mua), thu về mỗi năm hàng triệu đô la.

CCOHS được thành lập vào năm 1978 do đạo luật ***The Canadian Centre for Occupational Health and Safety Act*** được Quốc Hội Canada thông qua và Chính Phủ Canada lúc đó là của Đảng Tư Do (Liberal Party) do Thủ Tướng Pierre E. Trudeau (Trudean cha; hiện nay, năm 2024, Thủ Tướng Canada là Justin Trudeau là Trudeau con) lãnh đạo. Tại thời điểm này, cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, Chính Phủ Canada đương nhiệm đã về tay đảng đối lập là Đảng Bảo Thủ (Conservative Party). CCOHS đã trở thành một cái gai trong con mắt của Đảng Bảo Thủ, và họ tìm mọi cách phá hoại CCOHS. Lấy lý do CCOHS nay đã có khả năng kiếm được tiền, Đảng Bảo Thủ ra lệnh cho CCOHS trong 3 năm phải tiến tới tự túc, và ngay trước mắt họ cắt liền 50% ngân sách của CCOHS. Đồng thời, Đảng Bảo Thủ còn thi hành thêm một thủ đoạn chính trị vô cùng bẩn thỉu và vô trách nhiệm. Họ cách chức ngay Tiến Sĩ Gordon Atherley, President của CCOHS, một chuyên gia về An Toàn Lao Động nổi tiếng và được cả thế giới ngưỡng mộ. Và, để tránh khỏi bị Tiến Sĩ Atherley kiện họ ra tòa với lý do ***"Wrongful Dismissal"*** (Cho Nghỉ Việc Vô Cớ) mà chắc chắn họ sẽ bị thua, họ đã trả cho Tiến Sĩ Atherley luôn lương 3 năm còn lại, vì lúc đó Tiến Sĩ Atherley đang làm việc ở năm thứ hai của nhiệm kỳ 5 năm lần thứ nhì. Để thay thế cho Tiến Sĩ Atherley, Đảng Bảo Thủ còn trắng trợn làm thêm một chuyện hết sức vô trách nhiệm, ngoài sức tưởng tượng của mọi người trong ngành An Toàn Lao Động. Họ cử ông Arthur St-Aubin, một Trung Tướng (tướng ba sao) của Lục Quân Canada đã về hưu, hoàn toàn không có chuyên môn về ngành An Toàn Lao Động mà cũng chẳng có kinh nghiệm gì hết về quản lý kinh tế - tài chánh. Không rõ ông St-Aubin có nhận mật lệnh gì từ Chính Phủ của Đảng Bảo Thủ hay không, nhưng ông đã phá tan nát bộ máy điều hành của CCOHS ngay lập tức khi ông đến nhậm chức. Hành động theo kiểu nhà binh, ông ra lệnh cho 4 vị Giám Đốc (Directors, đứng đầu 4 Services của CCOHS là Administrative Services, Documentation Services, Information Services, và Research Services) phải làm mọi cách mỗi người kiếm 3 triệu đô la cho ngân sách 12 triệu đô la

của CCOHS). Dĩ nhiên, ai cũng thấy rõ, đó chỉ là cách ép các vị Directors phải xin từ chức (nói theo tiếng Anh là "showing the door") và rời khỏi cơ quan mà thôi. Và ông ta đã được thỏa mãn hoàn toàn: tất cả 4 vị Giám Đốc đều từ chức. Kế tiếp thì ông làm thịt bọn Trưởng Ban (Managers) chúng tôi (mỗi Services có 4 Department với một Manager đứng đầu, tổng cộng có tất cả 16 Manager). Cứ mỗi tuần ông cho nghỉ việc 3 hay 4 Trưởng Ban. Tôi bị cho nghỉ việc vào ngày 30-9-1992 cùng ngày với 3 vị Trưởng Ban Khác. ***"Tôi rời khỏi CCOHS và lòng buồn vô cùng vì tôi nghĩ rằng mình đã bị đối xử rất bất công, mình đã là nạn nhân của một đòn phép chính trị đảng phái, và, trên hết, tất cả moi việc xảy ra hoàn toàn đi ngược lại những giá trị nhân bản của đất nước Canada và bản chất lương thiện và đôn hậu của người dân Canada."*** [3]

Trải Nghiệm "Tái Ông Thất Mã"

Từ khi về làm việc cho CCOHS, nhứt là từ khi đã được bổ nhiệm vào chức vụ Manager, Online Catalogue, tôi thật sự vui mừng vì đã có được việc làm tốt, vững chắc, lương cao, và với thật nhiều phúc lợi (benefits) giống như các công chức của Chính Phủ Liên Bang Canada. Tôi nghĩ và tin rằng tôi sẽ làm việc cho CCOHS cho đến ngày về hưu. Năm 1988 tôi cũng đã mua nhà tại Hamilton.

Đùng một cái, tôi bị rơi vào một hoàn cảnh hết sức bi đát: không có việc làm, không có lợi tức, nhà thì mới mua được có 4 năm, nợ ngân hàng còn rất nhiều, và trước mặt là một tương lai thật đen tối vì tôi đã trên 50 tuổi, không dễ gì tìm được việc làm tốt và ổn định.

Sau đó, từ tháng 9-1992 cho đến tháng 9-1997, tôi đã phải trải qua 5 năm trời lận đận, phải làm đủ thứ các công việc hợp đồng, khi thì 1 năm, khi thì 6 tháng, hay 3-4 tháng, thậm chí có cả một lần chỉ làm có đúng 1 tháng, cho đến khi tôi nhận được công việc thường trực, và toàn thời gian tại Trường Đại Học Saskatchewan như đã trình bày bên trên.

Bây giờ, năm 2024, ở tuổi 83 này, nhìn lại khoảng thời gian 1992-1997 đó, tôi mới thấy rõ đó là một trải nghiệm ***"Tái Ông Thất Mã"*** của chính bản thân tôi. Thật là rõ ràng nếu tôi không bị mất việc làm quá tốt tại CCOHS thì tôi đâu có chịu khó bỏ ngày giờ đi tìm việc làm khác để cuối cùng được công việc làm còn tốt hơn nhiều tại Đại Học Saskatchewan, mà tôi đã làm cho đến ngày về hưu, và cũng nhờ công việc này mà tôi

Mr. Vinh-The Lam
585 Britannia Avenue
Hamilton, Ontario
L8H 2A3

Dear Mr. Lam:

As part of the implementation of the new guidelines for Librarian Emeritus/Emerita, I am writing to inform you that the guidelines now apply retroactively to all permanent status/tenured Librarian IV's who have retired since 2000. The Board of Governors approved the new guidelines at its June 23, 2006 meeting. You have now received the honourary title of Librarian Emeritus.

Sincerely yours,

THAY LỜI KẾT

Xuất thân là một Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp, do một tình cờ may mắn, tôi trở thành một Quản Thủ Thư Viện. Một may mắn khác giúp tôi nhận được một học bổng đi du học Hoa kỳ và tốt nghiệp với văn bằng Cao Học về Thư Viện Học. Trong thời gian ngắn ngủi hai năm (1973-175), tôi lại may mắn quy tụ được một số bạn đồng nghiệp vừa nhiệt tình vừa có chuyên nghiệp cao, giúp tôi hoàn thành được một vài công tác có ý nghĩa trong việc phát triển ngành thư viện cho Việt Nam Cộng Hòa. Sau năm 1981, ở hải ngoại, tôi tiếp tục được nhiều may mắn để làm lại cuộc đời và sự nghiệp. Tôi thành tâm cảm tạ Ơn Trên đã ban cho tôi duyên lành rất lớn trong nghề thư viện mà tôi đã chọn.

GHI CHÚ:

1. Lâm Vĩnh-Thế. ***Một ngã rẽ bất ngờ và may mắn***, tài liệu trực tuyến, có thể đọc toàn văn tại địa chỉ Internet sau đây: **https://petruskyaus.net/mot-nga-re-bat-ngo-va-may-man-lam-vinh-the/**

2. Anh Nguyễn Ứng Long, tốt nghiệp Khóa 1, Ban Anh Văn, Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, sau đó được học bổng đi du học Hoa Kỳ trong hai năm tại Trường Peabody College, thuộc Viện Đại Học Vanderbilt, thành phố Nashville, tiểu bang Tennessee, và tốt nghiệp với bằng Cao Học về Thư Viện Học (Master of Library Science = MLS). Về sau, khi Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia bị tách ra làm hai phần là Nha Văn Khố, và Thư Viện Quốc Gia, anh Long chỉ còn làm Giám Đốc Nha Văn Khố thôi, và anh giữ chức vụ này cho đến ngày 30-4-1975. Khi tôi thành lập Ban Thư Viện Học tại Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn của Viện Đại Học Vạn Hạnh thì tôi đã mời anh Long phụ trách các giáo trình Anh Văn I và Anh Văn II cho Ban. Tình bạn giữa anh Long và tôi kéo dài mãi cho đến khi anh mãn phần vào cuối tháng 9-2018 tại Paris, Pháp.

Hình Anh Long và tôi chụp tại nhà Anh Long, Paris, Pháp, Hè 2009

3. Lâm Vĩnh-Thế. ***Tròn nhiệm vụ: hồi ký của một quản thủ thư viện Canada gốc Việt***. Westminster, Calif.: Nhà xuất bản Nhân Ảnh, 2021, tr. 122.

PHỤ ĐÍNH

SYRACUSE UNIVERSITY
SCHOOL OF INFORMATION STUDIES
113 EUCLID AVENUE | SYRACUSE, NEW YORK 13210
315/423-2911

LAM VINH-THE

GENERAL LETTER OF REFERENCE

from Professor Pauline (Atherton) Cochrane

Lam Vinh The graduated from this school just prior to the Americans departure from Vietnam. He returned to his country after successfully completing his Master's Degree and served his country as a professional librarian and as the first President of the Vietnamese Library Association. He also tried to translate several important library education texts into Vietnamese because he wanted to try to develop a truly professional library education in Vietnam. Due to international difficulties I lost track of him for the past six years, even though I made several attempts to do -- considering the effort well spent as I wanted to continue to work with him as a colleague, having enjoyed our association as teacher and student so much. He was, without doubt, one of the top ten or twenty students I have had in twenty-five years of teaching. He brought to his studies an earnestness and thoroughness which is unusual. He grasped American ways very quickly, understood the intricacies of LCSH better than most, and mastered AACR as well. He is quite personable, having been a teacher before receiving his library education. He was sponsored by someone at USAID whose opinion I respected highly. He never let us down. Even now,